

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN U MINH THƯỢNG
TỈNH KIÊN GIANG**

Bản án số: **24/2019/DS-ST**

Ngày: 27/6/2019

V/v “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH THƯỢNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phan Văn Tịnh

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1/ Ông Huỳnh Văn Thăm

2/ Ông Lê Hoàng Vũ

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Cẩm Loan – Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh Thượng tham gia phiên tòa:*** Không tham gia.

Trong ngày 27 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 192/2018/TLST-DS, ngày 24 tháng 12 năm 2018 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2019/QĐST-DS ngày 20 tháng 5 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2019/QĐST-DS ngày 07 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại Cổ phần KL;

Trụ sở chính: Số 40-42-44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang; Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Tuấn Anh, chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Văn Tấn P, chức vụ: Phó Giám đốc Ngân hàng TMCP KL – PGD Vĩnh Thuận (Giấy ủy quyền số 70/UQ-PGDVT, ngày 24 tháng 01 năm 2019).

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Trung N, sinh năm 1985 và bà Nguyễn Thị Tr, sinh năm 1986; cùng địa chỉ cư trú: Ấp MT, xã MTh, huyện UMT, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện ngày 31/8/2018 và các lời khai tại Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, ông Văn Tấn P đại diện cho Nguyên đơn trình bày: Ngày 24/11/2015 ông Nguyễn Trung N (gọi tắt là Ông N) và bà Nguyễn Thị Tr (gọi tắt là Bà Tr) có ký hợp đồng tín dụng số 1194/15/HĐTD/1009-0959 vay của Ngân hàng TMCP KL – Phòng giao dịch huyện Vĩnh Thuận (gọi tắt là Ngân hàng KL) số tiền 150.000.000đ, lãi suất 7,5%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, lãi phạt chậm trả lãi là 0,10%/ngày; thời hạn vay là 12 tháng; hình thức thanh toán lãi và gốc trả cuối kỳ. Khi vay Ông N và Bà Tr thế chấp tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất CA 630868 do UBND huyện U Minh Thượng cấp ngày 15/9/2015 đứng tên bà Dương Ngọc Thu đã tặng cho ông Nguyễn Trung N và quyền sử dụng đất số CA 630965 do UBND huyện U Minh Thượng cấp ngày 28/9/2015 đứng tên ông Nguyễn Thống Nhất đã tặng cho ông Nguyễn Trung N. Nay đã quá hạn hợp đồng tín dụng mà Ông N và Bà Tr không thanh toán nợ vay theo thỏa thuận là vi phạm hợp đồng vay.

Ngân hàng KL yêu cầu Ông N và Bà Tr trả số nợ vay tính đến ngày xét xử là 254.680.750đ (trong đó số tiền gốc là: 150.000.000đ; lãi trong hạn là: 15.347.500đ; lãi quá hạn là: 74.261.250đ; lãi phạt chậm trả lãi là: 14.472.000đ).

Trường hợp khi bản án có hiệu lực mà Ông N và Bà Tr không trả nợ cho Ngân hàng KL thì Ngân hàng KL có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành tiến hành kê biên, bán đấu giá tài sản thế chấp để thanh toán nợ cho Ngân hàng KL.

2. Bị đơn ông Nguyễn Trung N và bà Nguyễn Thị Tr vắng mặt tại phiên hòa giải và phiên tòa nên không có lời trình bày.

3. Tài liệu, chứng cứ do đương sự cung cấp và Tòa án thu thập được bao gồm: Hợp đồng tín dụng số 1194/15/HĐTD/1009-0959 ngày 24/11/2015 (photo); Hợp đồng thế chấp số 1194/15/HĐTC-BDS/1009-0959 ngày 24/11/2015 (photo); Giấy chứng nhận QSD đất số CA 630965 và CA 630868 (photo); 02 Biên bản xử lý nợ đối với Ông N và Bà Tr.

Tại phiên tòa: Ông Văn Tấn P rút yêu cầu đối với lãi chậm trả là 14.472.000đ. Yêu cầu Ông N và Bà Tr trả tổng cộng số tiền là 239.608.750đ (gồm nợ gốc: 150.000.000đ, lãi trong hạn 15.347.500đ, lãi quá hạn 74.261.250đ).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Nguyễn Trung N và bà Nguyễn Thị Tr được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Bị đơn cũng không có ý kiến phản tố. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] *Xét về nội dung tranh chấp*: Vào ngày 24/11/2015 Ông N và Bà Tr có ký hợp đồng tín dụng số 1194/15/HĐTD/1009-0959 vay của Ngân hàng KL – Phòng giao dịch huyện Vĩnh Thuận số tiền 150.000.000 đồng; lãi suất trong hạn 7,5%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, lãi phạt chậm trả lãi là 0,10%/ngày; thời hạn vay là 12 tháng; hình thức thanh toán trả gốc và lãi vào cuối kỳ. Khi vay Ông N và Bà Tr thế chấp tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất số CA 630868 do UBND huyện U Minh Thượng cấp ngày 15/9/2015 đứng tên bà Dương Ngọc Thu tặng cho ông Nguyễn Trung N và quyền sử dụng đất số CA 630965 do UBND huyện U Minh Thượng cấp ngày 28/9/2015 đứng tên ông Nguyễn Thông Nhất tặng cho ông Nguyễn Trung N. Nay đã quá hạn thanh toán của hợp đồng tín dụng mà Ông N và Bà Tr không thanh toán nợ vay theo thỏa thuận là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự 2015. Do đó, Ngân hàng KL yêu cầu Ông N và Bà Tr thanh toán tiền gốc 150.000.000đ và tiền lãi 89.608.750đ có cơ sở để chấp nhận.

Lãi suất trong hạn: Theo điểm a khoản 1 Điều 2 Hợp đồng tín dụng là 7,5%/năm, có điều chỉnh kể từ tháng 7 trở đi. Trong 6 tháng đầu tiên Ngân hàng KL áp mức lãi suất 7,5%/năm và từ tháng thứ 7 đến tháng thứ 12 Ngân hàng KL điều chỉnh mức lãi suất lên 12,60% theo mức lãi suất cho vay tương ứng là phù hợp. Do đó, số tiền lãi trong hạn từ ngày 25/11/2015 đến ngày 25/5/2016 mức lãi suất 7,5%/năm bằng số tiền 5.687.500đ; số tiền lãi từ ngày 25/5/2016 đến ngày 25/11/2016 mức lãi suất được điều chỉnh là 12,60%/năm bằng số tiền là 9.660.000đ; như vậy số tiền lãi trong hạn là 15.347.500đ.

Lãi suất quá hạn: Theo khoản 2 Điều 2 Hợp đồng tín dụng lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất ngay trước thời điểm chuyển nợ quá hạn. Như vậy, lãi suất trước thời điểm chuyển nợ quá hạn là $12,60\%/năm \times 150\% = 18,90\%/năm$. Số tiền lãi quá hạn là: 150.000.000đ (nợ gốc) $\times 18,90\%/năm$ (lãi suất nợ quá hạn) $\times 943$ ngày bằng số tiền là 74.261.250đ.

Đại diện Ngân hàng KL rút yêu cầu đối với lãi phạt chậm trả là 14.472.000đ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Như vậy, tổng số tiền Ông N và Bà Tr phải trả cho Ngân hàng KL là 239.608.750đ (bao gồm: nợ gốc 150.000.000đ; lãi trong hạn 15.347.500đ; lãi quá hạn 74.261.250đ).

[3] *Án phí dân sự sơ thẩm*: Ông Nguyễn Trung N và bà Nguyễn Thị Tr phải chịu tiền án phí là 239.608.750đ $\times 5\% = 11.980.000đ$ (mười một triệu chín trăm tám mươi nghìn đồng chẵn).

Trả cho Ngân hàng KL số tiền tạm ứng án phí là 5.998.000đ theo biên lai thu số 0004393 ngày 21/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 92; điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11/01/2019; khoản 1 Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP KL về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng đối với ông Nguyễn Trung N và bà Nguyễn Thị Tr. Buộc ông Nguyễn Trung N và bà Nguyễn Thị Tr trả cho Ngân hàng TMCP KL tổng cộng số tiền là 239.608.750đ (hai trăm ba mươi chín triệu sáu trăm lẻ tám nghìn bảy trăm năm mươi đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

Khi án có hiệu lực và có đơn yêu cầu thi hành án của nguyên đơn mà ông Nguyễn Trung N và bà Nguyễn Thị Tr không thực hiện thì Ngân hàng TMCP KL có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự kê biên, bán đấu giá tài sản thế chấp để thanh toán nợ cho Ngân hàng TMCP KL.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Trung N và bà Nguyễn Thị Tr phải chịu tiền án phí là $239.608.750đ \times 5\% = 11.980.000đ$ (mười một triệu chín trăm tám mươi nghìn đồng chẵn).

Trả cho Ngân hàng KL số tiền tạm ứng án phí là 5.998.000đ theo biên lai thu số 0004393 ngày 21/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

3. Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết tại nơi cư trú.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự

có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THA Dân sự huyện;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phan Văn Tịnh